

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIỆT THỰC-HIỆU QUẢ-HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
(Khóa 24)**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Kế toán**

Tên tiếng Anh: **Accounting**

Mã ngành: **7340301**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHTG ngày 26 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

Tiền Giang, năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	3
1. Thông tin về chương trình đào tạo khóa học	3
1.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo	3
1.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo.....	3
2. Chuẩn đầu vào.....	3
3. Cấp bằng tốt nghiệp.....	4
PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH	4
1. Mục tiêu cụ thể	4
2. Chuẩn đầu ra	5
2.1. Kiến thức.....	5
2.2. Kỹ năng	5
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	5
3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của CTĐT	5
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	6
1. Cấu trúc chương trình.....	6
2. Khung chương trình	7
3. Kế hoạch chuẩn giảng dạy các học phần theo học kỳ của khóa học	11
4. Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần.....	11
5. Đề cương chi tiết học phần	14
6. Hướng dẫn thực hiện chương trình dạy học	14
7. Thông tin cập nhật	14

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH KẾ TOÁN

Khóa 24

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHTG ngày 26 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Thông tin về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: **Đại học Kế toán tổng hợp**
- Tên ngành:
 - + Tiếng Việt: **Kế toán**
 - + Tiếng Anh: **Accounting**
- Mã ngành: 7340301
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: **Cử nhân Kế toán**
 - + Tiếng Anh: **Bachelor of Accounting**
- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo:
 - + Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán Trường Đại học An Giang,
 - + Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán Trường Đại học Cần Thơ.

1.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực tự chủ, tự học suốt đời, hội nhập; có khả năng sáng tạo, phát huy tiềm năng của bản thân và sống hài hòa, hạnh phúc.

Đào tạo theo định hướng ứng dụng, giúp người học có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp kế toán, có khả năng làm việc độc lập và giải quyết những vấn đề trong thực tiễn công việc của ngành kế toán, có khả năng nghiên cứu khoa học để phục vụ cộng đồng, xã hội.

3. Chuẩn đầu vào

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Quyết định số 19/QĐ-ĐHTG ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

4. Cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

PHẦN II. MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. Kiến thức

PO01: Kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tự nhiên, để phục vụ cho học tập, nghiên cứu và giao tiếp.

PO02: Kiến thức cơ sở về kinh tế vi mô, vĩ mô; quản trị học, nguyên lý kế toán và pháp luật.

PO03: Kiến thức chuyên sâu của ngành kế toán bao gồm kế toán tài chính doanh nghiệp, kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp, kế toán ngân hàng, kế toán kho bạc, thuế và kiểm toán.

1.2. Kỹ năng

PO04: Kỹ năng nhận biết được bản thân để phát huy tiềm năng; hiểu được ý nghĩa cuộc sống để hướng đến hạnh phúc, có trách nhiệm với gia đình và cộng đồng, xã hội.

PO05: Kỹ năng khám phá tri thức mới nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn một cách khoa học, mang lại hiệu quả cao; sáng tạo ra những cách làm mới.

PO06: Kỹ năng nghề nghiệp của một người làm việc trong lĩnh vực kế toán.

PO07: Kỹ năng mềm (suy luận và giải quyết vấn đề, giao tiếp, làm việc nhóm) để làm việc và phát triển trong các môi trường làm việc khác nhau.

1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO08: Có năng lực tự học, tự chủ, làm việc nhóm, có khả năng khởi nghiệp.

PO09: Có sức khỏe và nghị lực để khắc phục những khó khăn, thực hiện được các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

PO10: Ý thức trách nhiệm cao, tác phong làm việc chuẩn mực, đức tính trung thực, học tập và rèn luyện để nâng cao năng lực, phẩm chất cá nhân.

1.4. Vị trí nghề nghiệp

- Có thể đảm nhiệm các vị trí kế toán viên, kế toán tổng hợp, kiểm toán viên, kế toán trưởng và quản lý trong doanh nghiệp và các đơn vị hành chính – sự nghiệp;

- Có khả năng tự thành lập và điều hành doanh nghiệp.

1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ.

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực tự học, tự nghiên cứu và học lên các chương trình đào tạo sau đại học.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

K01: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật

K02: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn của ngành kế toán

K03: Kiến thức chuyên sâu và mở rộng của ngành kế toán để hạch toán nghiệp vụ kinh tế, lưu trữ chứng từ sổ sách, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ... tại các đơn vị

K04: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình hình thành ý tưởng, thiết kế, hiện thực hóa, vận hành trong công việc kế toán

2.2. Kỹ năng

S01: Kỹ năng phản biện, phê phán và giải quyết vấn đề; đánh giá chất lượng công việc

S02: Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

S03: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp thực hiện nhiệm vụ ngành kế toán

S04: Kỹ năng mềm cần thiết (suy luận và giải quyết vấn đề, giao tiếp, làm việc nhóm) để có thể giải quyết các vấn đề của ngành kế toán

S05: Kỹ năng dẫn dắt, khả năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

A01: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định

A02: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tinh thần phục vụ đất nước và cộng đồng tốt, có trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật

A03: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về ngành kế toán và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân

3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra											
	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
	K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
PO01	x	x										
PO02		x		x								
PO03			x	x								
PO04					x							
PO05					x	x						
PO06							x		x			
PO07						x		x				
PO08										x		
PO09												x
PO10										x	x	

Ghi chú: dấu (x) thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **169**
- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **126**

(Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và an ninh và các học phần điều kiện General English 1, General English 2).

1.2. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	33	4	37	29,37%
2	Kiến thức cơ sở ngành	21	2	23	18,25%
3	Kiến thức ngành	36	12	48	38,10%
4	Kiến thức Bổ trợ	4	8	12	9,52%
5	Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận	0	6	6	4,76%
Tổng cộng		94	32	126	100%

2. Khung chương trình

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
1. Khởi kiến thức giáo dục đại cương									
1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh							11	11	
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật							8	6	
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
68562	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán	27	06				2	2	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
15362	Kỹ năng giao tiếp	15	30				2	2	
65012	Lịch sử các học thuyết kinh tế	28	04				2		
1.3. Ngoại ngữ									
1.3.1. Học phần điều kiện (*)							6	6*	
08004	General English 1	60					4	4*	
08012	General English 2	30					2	2*	08004
1.3.2. Học phần tích lũy							12	12	
08024	English1	60					4	4	08012
08034	English2	60					4	4	08024 ⁺
08044	English 3	60					4	4	08034 ⁺
1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Môi trường							11	8	
08133	Toán cao cấp C	30	30				3	3	
08733D	Xác suất thống kê A	30	30				3	3	
Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
69782	Kế toán bền vững	27	06				2	2	
30053	Tin học ứng dụng cơ bản	15		60			3		
1.5. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)									
1.5.1. Giáo dục thể chất							9	3*	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1*	
Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
12271	Đá cầu 1			30			1		12371+
12411	Bóng rổ 1			30			1		12371+
Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1*	12391+
12481	Cầu lông 2			30			1		12401+
12281	Đá cầu 2			30			1		12271+
12461	Bóng rổ 2			30			1		12411+
1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh							165 tiết*		
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							42	37	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Cơ sở ngành							27	23	
66043	Kinh tế vi mô	42	06				3	3	
66063	Kinh tế vĩ mô	42	06				3	3	66043+
66093	Kinh tế lượng	30		30			3	3	08733D+
67003	Quản trị học	42	06				3	3	
68063	Nguyên lý kế toán	42	06				3	3	
70013	Marketing căn bản	42	06				3	3	
71073	Luật thương mại	40	10				3	3	71012+
Chọn tự do 5 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
66102	Kinh tế quốc tế	28	04				2	2	
68782	Nguyên lý thống kê kinh tế	28	04				2		
69002	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	27	06				2		
2.2. Ngành							56	48	
68013	Thuế	42	06				3	3	
68083	Kế toán tài chính 1	42	06				3	3	68063+
68093	Kế toán tài chính 2	40	10				3	3	68063+
68103	Kế toán tài chính 3	42	06				3	3	68063+
68113	Kế toán quản trị	40	10				3	3	
68133	Kế toán chi phí	40	10				3	3	68063+
68252	Kiểm toán 1	28	04				2	2	68063+
68262	Kiểm toán 2	27	06				2	2	68252+
68273	Kế toán tài chính 4	42	06				3	3	68063+
68314	Kế toán tài chính 5	45	30				4	4	68273+
68573	Tin học kế toán 1	30		30			3	3	68063+

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
68582	Tin học kế toán 2	15		30			2	2	68063+
68592	Hệ thống thông tin kế toán	27	06				2	2	68063+
Chọn tự do 6 (tích lũy tối thiểu 12 TC)									
68142	Kế toán kho bạc	28	04				2	12	68063+
68153	Đổi chiếu kế toán quốc tế	42	06				3		68063+
68243	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp 1	42	06				3		68063+
68322	Kế toán ngân hàng	27	06				2		68063+
68343	Kế toán mô phỏng trong doanh nghiệp	15		60			3		68303+
68413	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	42	06				3		68063+
69092	Toán tài chính	27	06				2		
68502	Lập báo cáo tài chính theo IFRS	27	06				2		68063+
2.3. Bổ trợ							30	12	
69102	Tài chính doanh nghiệp 1	28	04				2	2	
68822	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	27	06				2	2	
Chọn tự do 7 (tích lũy tối thiểu 8 TC)									
67222	Quản trị sản xuất	28	04				2	8	
69122	Tài chính doanh nghiệp 2	27	06				2		69102+
67393	Khởi nghiệp kinh doanh	42	06				3		
68002	Thống kê doanh nghiệp	28	04				2		68782+
68023	Phân tích hoạt động kinh doanh	42	06				3		
68112	Thị trường tài chính	28	04				2		
68212	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	27	06				2		
69043	Thanh toán quốc tế	42	06				3		
69112	Thị trường chứng khoán	27	06				2		
67143	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	42	06				3		
69252	Tài chính công	28	04				2		
2.4. Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận							14	6	
Chọn có định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)									
Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
68914	Chuyên đề cuối khóa (Kế toán)				180		4	6	68314+
68552	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp 2	27	06				2		

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
68612	Luật kế toán và đạo đức nghề nghiệp	28	04				2		
Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
68906	Khóa luận cuối khóa (Kế toán)					360	6	6	68314+
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							127	89	
Số tín chỉ tổng cộng: 169, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 126 TC									

Các ký hiệu và viết tắt:

(*) *Học phần điều kiện: học phần sinh viên phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần có tích lũy điểm vào điểm trung bình chung tích lũy của khóa học (các học phần General English 1, General English 2) hoặc đủ điều kiện xét tốt nghiệp (các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh). Điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.*

(**) *Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong phần mềm hệ thống thông tin tích hợp (TGUIIS) đối với học phần General English 2, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.*

- MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02/8/2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.

- LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.

- TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TH (Thực hành): Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.

- ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.

- TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.

- TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.

- HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)

- HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)⁺.

3. Kế hoạch chuẩn giảng dạy các học phần theo học kỳ của khóa học

- Sơ đồ đào tạo của các học phần theo học kỳ

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo**4. Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần****4.1. Bảng chi tiết CDR của CTĐT**

Số TT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
1	KIẾN THỨC		
1.1	K01	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật	
1.1.1	K01.1	Hiểu kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật đại cương, quốc phòng – an ninh, văn hóa và môi trường	
1.1.2	K01.2	Vận dụng được kiến thức về giáo dục thể chất nhằm có được sức khỏe để học tập và làm việc	
1.1.3	K01.3	Vận dụng được kiến thức về ứng dụng CNTT cơ bản vào học tập, nghiên cứu, làm việc	
1.1.4	K01.4	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên	
1.1.5	K01.5	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội	
1.2	K02	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn của ngành kế toán	
1.2.1	K02.1	Vận dụng được kiến thức về Kinh tế học	
1.2.2	K02.2	Vận dụng được kiến thức về Quản trị học	
1.2.3	K02.3	Vận dụng được kiến thức về Tài chính	
1.2.4	K02.4	Vận dụng được kiến thức về Luật thương mại	
1.3	K03	Kiến thức chuyên sâu và mở rộng của ngành kế toán để hạch toán nghiệp vụ kinh tế, lưu trữ chứng từ sổ sách, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ... tại các đơn vị	
1.3.1	K03.1	Vận dụng được kiến thức về Nguyên lý kế toán	
1.3.2	K03.2	Vận dụng được kiến thức về Kế toán tài chính và kế toán quản trị	
1.3.3	K03.3	Vận dụng được kiến thức về kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp, kế toán ngân hàng, kế toán kho bạc	
1.3.4	K03.4	Vận dụng được kiến thức về Thuế và Kiểm toán	
1.3.5	K03.5	Phân tích, đánh giá được kiến thức về thực tập tốt nghiệp ngành Kế toán	
1.4	K04	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình hình thành ý tưởng, thiết kế, hiện thực hóa,	

Số TT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
		vận hành trong công việc kế toán	
1.4.1	K04.1	Lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình hình thành ý tưởng về hệ thống kế toán	
1.4.2	K04.2	Thiết kế, hiện thực hóa và vận hành hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán	
2	KỸ NĂNG		
2.1	S01	Kỹ năng phản biện, phê phán và giải quyết vấn đề; đánh giá chất lượng công việc	
2.1.1	S01.1	Phản biện, phê phán	
2.1.2	S01.2	Xác định và khái quát hóa vấn đề	
2.1.3	S01.3	Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn	
2.1.4	S01.4	Đề xuất giải pháp	
2.1.5	S01.5	Xác định mục tiêu, các tiêu chí đánh giá và đánh giá chất lượng công việc của mỗi thành viên trong nhóm	
2.1.6	S01.6	Xác định các tiêu chí đánh giá thành viên và thực hiện đánh giá kết quả làm việc của mỗi thành viên	
2.2	S02	Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	
2.2.1	S02.1	Sử dụng ngoại ngữ giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày	
2.2.2	S02.2	Đọc, hiểu tài liệu chuyên ngành bằng ngoại ngữ	
2.3	S03	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp thực hiện nhiệm vụ ngành kế toán	
2.3.1	S03.1	Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam	
2.3.2	S03.2	Khái quát hóa tình hình tài chính, kinh tế và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	
2.3.3	S03.3	Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán	
2.3.4	S03.4	Đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của ngành kế toán	
2.4	S04	Kỹ năng mềm cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề của ngành kế toán	
2.4.1	S04.1	Xử lý công việc linh hoạt, nhạy bén	

Số TT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
2.4.2	S04.2	Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ	
2.4.3	S04.3	Tự kiểm soát, tự kỷ luật bản thân	
2.4.4	S04.4	Xây dựng và phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình và đàm phán	
2.5	S05	Kỹ năng dẫn dắt, khả năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	
2.5.1	S05.1	Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể	
2.5.2	S05.2	Phát triển khả năng khởi nghiệp	
3	MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
3.1	A01	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định	
3.1.1	A01.1	Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi	
3.1.2	A01.2	Thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc	
3.1.3	A01.3	Hướng dẫn cho người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn	
3.1.4	A01.4	Giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn	
3.2	A02	Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tinh thần phục vụ đất nước và cộng đồng tốt, có trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật	
3.2.1	A02.1	Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn	
3.2.2	A02.2	Có tinh thần phục vụ đất nước và cộng đồng tốt	
3.2.3	A02.3	Có trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật	
3.3	A03	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về ngành kế toán và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	
3.3.1	A03.1	Tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập	
3.3.2	A03.2	Thực hiện tích lũy kiến thức, kinh nghiệm thường xuyên, liên tục để đáp ứng nghiệp vụ chuyên môn	

4.2. Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần

Phụ lục II: Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần

5. Đề cương chi tiết học phần

Phụ lục III: Bộ đề cương chi tiết học phần của chương trình

6. Hướng dẫn thực hiện chương trình dạy học

6.1. Thời gian đào tạo của các học phần

- Mỗi học phần được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần (hay toàn phần) của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần có một mã học phần riêng do Trường quy định.

- Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

6.2. Thời gian đào tạo của Chương trình

a) Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

- Khóa học là khoản thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể.

- Một năm học có 2 học kỳ chính. Trường có thể tổ chức thêm 1 học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học cải thiện điểm, hoặc học tập chương trình môn học Giáo dục Quốc phòng -An ninh (mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học, 2 tuần thi và chấm thi).

- Đầu học kỳ, Nhà trường công bố kế hoạch mở lớp học phần (trực tiếp hoặc trực tuyến) trên cơ sở kế hoạch giảng dạy của khóa ngành học, trong đó công khai đầy đủ các thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

b) Căn cứ vào Khung kế hoạch giảng dạy trong chương trình đã được phê duyệt, Khoa Kinh tế - Luật phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo xác định khối lượng giảng dạy từng học kỳ, năm học; xây dựng thời khóa biểu học kỳ và thông báo tới các đơn vị, giảng viên, sinh viên ít nhất 02 tuần trước học kỳ.

6.3. Hướng dẫn học tự chọn, ngoại khoá, khởi nghiệp..: Không có.

7. Thông tin cập nhật

7.1. Cơ sở phát triển chương trình

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

- Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31/12/2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang

- Quyết định 345/QĐ/BTC: Phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam.

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 (Quyết định số 252/QĐ-TTg)

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 (Quyết định số 2631/QĐ-TTg)

- Số liệu của Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) giai đoạn 2019 -2022.

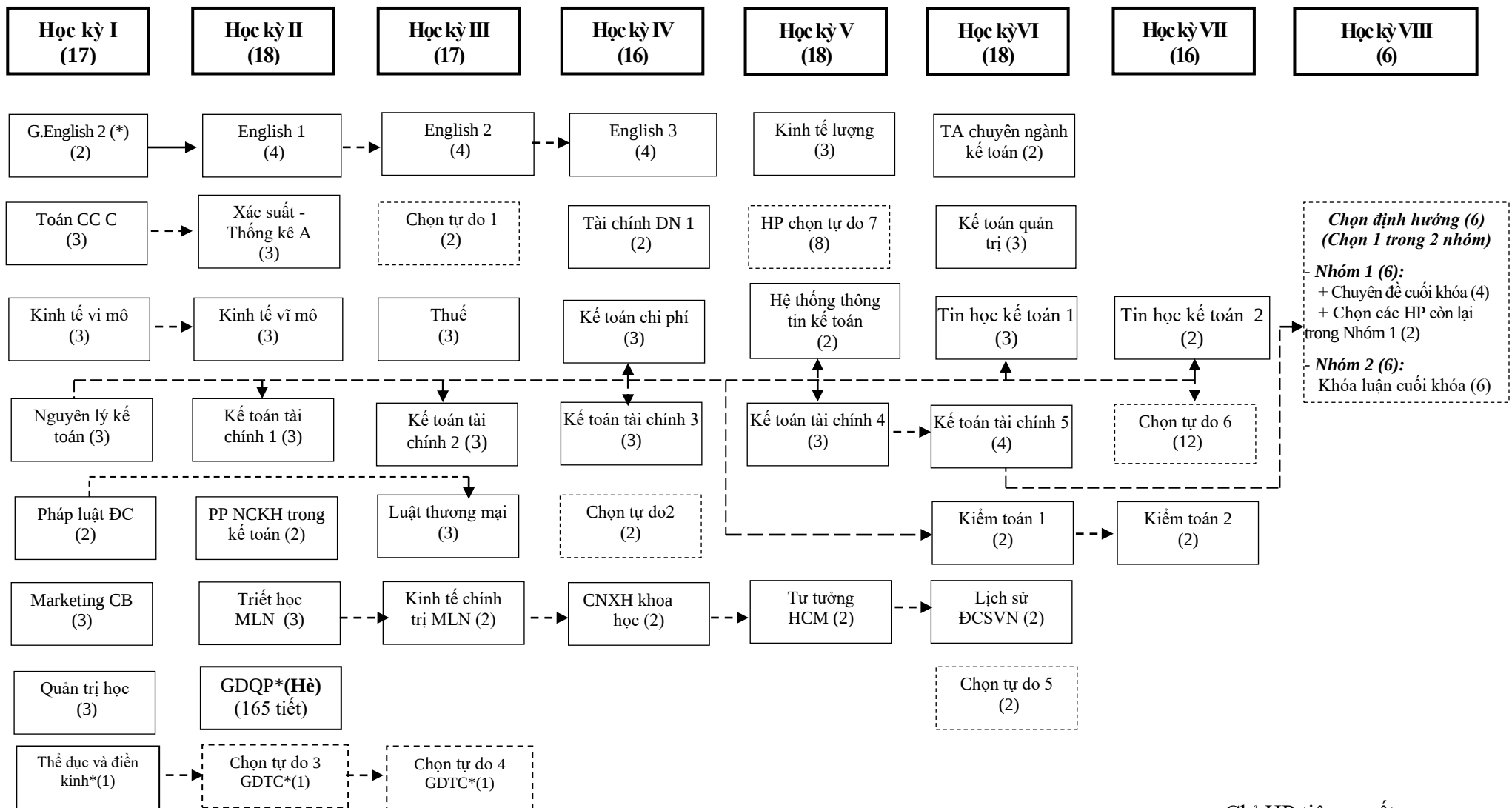
7.2. Thông tin kiểm định

Chương trình đào tạo ngành Kế toán đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT (ngày 10/4/2023) đạt tiêu chuẩn chất lượng do Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ban hành./.

PHỤ LỤC I:

**SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC
NGÀNH ĐH KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học CTĐT Đại học Kế toán tổng hợp - Khóa 24



→: Chỉ HP tiên quyết,
 -->: Chỉ HP học trước
 (x): Số tín chỉ
 (*): HP điều kiện

PHỤ LỤC II:

MA TRẬN PHÂN BỐ CHI TIẾT CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT VÀO CÁC HỌC PHẦN

Phần 1: Kiến thức

[illegible]

[illegible]

HK	Mã HP	Học phần	CDR về Kiến thức và TĐNL được phân bổ cho học phần															
			K01					K02				K03					K04	
			K01.1	K01.2	K01.3	K01.4	K01.5	K02.1	K02.2	K02.3	K02.4	K03.1	K03.2	K03.3	K03.4	K03.5	K04.1	K04.2
		kinh tế																
	69002	Lý thuyết tài chính – tiền tệ								3								
VII	68582	Tin học kế toán 2											4			4		
	68262	Kiểm toán 2											4		4	4		
	68142	Kế toán kho bạc			4									3				
	68153	Đối chiếu kế toán quốc tế										4	4					
	68243	Kế toán đơn vị HCSN 1										4		3		4		
	68322	Kế toán ngân hàng										4		3				
	68343	Kế toán mô phỏng trong DN												3		4		
	68413	Kế toán DN vừa và nhỏ											4			4		
	69092	Toán tài chính								4								
	68502	Lập BCTC theo IFRS									3		4				3	3
VIII	68906	Khóa luận cuối khóa (kế toán)														4		
	68914	Chuyên đề cuối khóa (kế toán)														4		
	68552	Kế toán đơn vị HCSN 2										4		4			4	4
	68612	Luật kế toán và đạo đức NN	3								4	4						

1. Ghi nhớ, 2. Hiểu, 3. Áp dụng, 4. Phân tích, 5. Đánh giá - sáng tạo

Phần 2: Kỹ năng

HK	Mã HP	Học phần	CDR về Kỹ năng và TDNL được phân bổ cho học phần																	
			S01						S02		S03				S04				S05	
			S01.1	S01.2	S01.3	S01.4	S01.5	S01.6	S02.1	S02.2	S03.1	S03.2	S03.3	S03.4	S04.1	S04.2	S04.3	S04.4	S05.1	S05.2
I	67003	Quản trị học		1								1								
	08133	Toán cao cấp C	1	1	1											1			1	
	66043	Kinh tế vi mô			1															
	68063	Nguyên lý kế toán									1		1			1		1	1	1
	71012	Pháp luật đại cương	1	1	1	1	1													
	70013	Marketing căn bản	1	1	1	1	1	1				1							1	1
II	68562	PP NCKH trong kế toán								1				1					2	2
	08133	Xác suất thống kê A	2	2	2											2			2	
	66063	Kinh tế vĩ mô										2						2		
	68083	Kế toán tài chính 1			2						1					2				
	00033	Triết học Mác Lênin		2	2															
	08024	English 1							1											
	12371	Thế dục và điền kinh																		
		Giáo dục quốc phòng																		
III	15362	Kỹ năng giao tiếp	2															2		
	65012	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2		2										1					

[illegible]

1. Bất chước, 2. Làm được, 3. Làm chính xác, 4. Phối hợp, 5. Thuần thục

Phần 3: Mức tự chủ và trách nhiệm

[illegible]

HK	Mã HP	Học phần	CĐR về Mức tự chủ trách nhiệm và TĐNL được phân bổ cho học phần								
			A01				A02			A03	
			A01.1	A01.2	A01.3	A01.4	A02.1	A02.2	A02.3	A03.1	A03.2
IV	69102	Tài chính doanh nghiệp 1	3	3			3			3	2
	68133	Kế toán chi phí					3				
	68103	Kế toán tài chính 3					3				
	30053	Tin học ứng dụng cơ bản									
	69782	Kế toán bền vững									
	02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học					3	3	3		
	08044	English 3									
	12441	Bóng chuyền 2									
	12481	Cầu lông 2									
	12281	Đá cầu 2									
	12461	Bóng rổ 2									
V	66093	Kinh tế lượng		3				3	3		
	68273	Kế toán tài chính 4	3				3		3		
	68592	Hệ thống thông tin kế toán					3				
	03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh									
	67222	Quản trị sản xuất	3	3						3	3
	67393	Khởi nghiệp kinh doanh						3	3		
	68002	Thống kê doanh nghiệp	3								
	68023	Phân tích hoạt động KD	3								
	68112	Thị trường tài chính		3			3			3	3
	68212	Nghiệp vụ ngân hàng TM	3	3	2	2	3	3	3	3	3
	69043	Thanh toán quốc tế					3				

HK	Mã HP	Học phần	CĐR về Mức tự chủ trách nhiệm và TĐNL được phân bổ cho học phần								
			A01				A02			A03	
			A01.1	A01.2	A01.3	A01.4	A02.1	A02.2	A02.3	A03.1	A03.2
	69112	Thị trường chứng khoán	3					3			
	67143	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	3	3			3	3	3	3	
	69122	Tài chính doanh nghiệp 2	3				3				
	69252	Tài chính công	3	3			3			3	3
VI	68772	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán			3	3					
	68113	Kế toán quản trị					3				
	68313	Tin học kế toán 1					3				
	68303	Kế toán tài chính 5	3				3	3	3	3	
	68252	Kiểm toán 1					3		3	3	
	03022	Lịch sử Đảng cộng sản VN									
	66102	Kinh tế quốc tế	3				3				
	68782	Nguyên lý thống kê kinh tế	3								
	69002	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	3						3		
VII	68332	Tin học kế toán 2					4				
	68262	Kiểm toán 2					4			4	
	68142	Kế toán kho bạc					4		4		
	68153	Đối chiếu kế toán quốc tế	4							4	
	68243	Kế toán đơn vị HCSN 1					4			4	
	68322	Kế toán ngân hàng	4							4	
	68343	Kế toán mô phỏng trong DN	4								
	68413	Kế toán DN vừa và nhỏ	4				4				
	69092	Toán tài chính	4	4				4			

HK	Mã HP	Học phần	CĐR về Mức tự chủ trách nhiệm và TĐNL được phân bổ cho học phần								
			A01				A02			A03	
			A01.1	A01.2	A01.3	A01.4	A02.1	A02.2	A02.3	A03.1	A03.2
	68502	Lập BCTC theo IFRS			3	3					
VIII	68906	Khóa luận cuối khóa (kế toán)					4	4		4	4
	68914	Chuyên đề cuối khóa (kế toán)	4	4			4				4
	68552	Kế toán đơn vị HCSN 2									4
	68562	Luật kế toán và đạo đức NN	4	4	4	4					

1. Tiếp nhận, 2 – Đáp ứng, 3.Đánh giá thừa nhận 4.Tổ chức thực hiện, 5. Đặc trưng hóa

PHỤ LỤC III:

**BỘ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CTĐT ĐH KẾ TOÁN TỔNG HỢP**